

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2017

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;

2. Bà Huỳnh Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn L**, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1971

Địa chỉ : Kp. M, TT. M, huyện C, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Đ.

(Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17-7-2017 và trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Văn L trình bày như sau:

Vào năm 1993 anh và chị Nguyễn Thanh T quen biết nhau và cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng ý quan điểm với nhau, không hợp nhau về tính tình và cách sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi trong cuộc sống hàng ngày, mặc dù anh chị đã cố gắng duy trì để tiếp tục chung sống với nhau nhưng không kết quả. Đến khoảng tháng 5-6 năm 2014 do cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không tiếp tục

được nữa nên chị T đã bỏ nhà lên Đồng Nai làm ăn sinh sống cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không thể hàn gắn lại được, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, nên anh quyết định xin ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 03 người con chung tên Lê Thanh Tr, sinh ngày 16-6-1995; Lê Quốc B, sinh ngày 26-3-1997 và Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001, anh xác nhận hiện nay cháu Tr, cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét còn cháu Kh thì hiện nay đang sống chung với anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh L xác nhận vợ chồng anh có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng đã tự thảo thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn nợ chung thì vợ chồng anh không có nợ ai nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Anh L xác nhận có 03 người con chung tên Lê Thanh Tr, sinh ngày 16-6-1995; Lê Quốc B, sinh ngày 26-3-1997 và Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001 nhưng hiện nay cháu Tr, cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001 anh yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày như sau:* Vào năm 1993 chị và anh Lê Văn L quen biết nhau và cùng nhau đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng ý quan điểm với nhau, anh L có nhiều bạn bên ngoài nên thường xuyên uống rượu, mỗi khi anh uống rượu say về thì vợ chồng lại xảy ra cự cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, mặc dù chị đã cố gắng khuyên ngăn anh L nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến khoảng tháng 5-6 năm 2014 do cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không tiếp tục được nữa nên chị đã bỏ nhà lên Đồng Nai làm ăn sinh sống cho đến nay và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không thể hàng găng lại được thêm phần chị và anh L đã ly thân với nhau thời gian dài nên không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh L yêu cầu xin ly hôn với chị thì chị đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 03 người con chung tên Lê Thanh Tr, sinh ngày 16-6-1995; Lê Quốc B, sinh ngày 26-3-1997 và Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001, chị xác nhận hiện nay cháu Tr, cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét còn cháu Kh thì hiện nay đang sống chung với anh L.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng đã tự thảo thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn nợ chung thì vợ chồng chị không có nợ ai nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thanh T vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 24-7-2017 (bút lục: 20), Biên bản hòa giải ngày 01-8-2017 (bút lục: 29, 30, 31, 32) và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 09-8-2017 (bút lục: 36), chị T có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Lê Văn L.

- Về con chung : Chị Toàn xác nhận có 03 người con chung tên Lê Thanh Tr, sinh ngày 16-6-1995; Lê Quốc B, sinh ngày 26-3-1997 và Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001 nhưng hiện nay cháu Tr, cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2000 chị đồng ý giao cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn- Do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Lê Thanh T là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thanh T đều khai, anh chị chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến khoảng đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn: Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng cuộc sống

gia đình không còn hạnh phúc nữa và anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống giữa anh L và chị T sống với nhau từ năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn nên giữa anh L và chị T không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ ***1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này***”.

Do đó, mối quan hệ giữa anh L và chị T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Anh L và chị T đều xác nhận, trong thời gian chung sống giữa anh chị có 03 người con chung tên: Lê Thanh Tr, sinh ngày 16-6-1995; Lê Quốc B, sinh ngày 26-3-1997 và Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001 nhưng hiện nay cháu Tr, cháu B đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001 từ khi anh chị sống ly thân với nhau cho đến nay cháu Kh do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên hòa giải ngày 01-8-2017 anh L và chị T đã thỏa thuận, giao cháu Kh cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Kh được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 24-7-2017) và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con - Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh L và chị T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh L và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lê Văn L là nguyên đơn do đó phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng anh L được khấu trừ

vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0009819, ngày 21-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thanh T .

2.Về nuôi con chung: Ghi nhận sự nguyện thỏa thuận giữa anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thanh T thống nhất giao con chung tên Lê Quốc Kh, sinh ngày 24-8-2001 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của cháu Kh được Tòa án lập biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 24-7-2017). Anh L không yêu cầu chị Toàn cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thanh T đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4.Về nợ chung: Anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thanh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5.Về án phí : Anh Lê Văn L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0009819, ngày 21-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K.

6. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuý Hằng

